

Bản án số: 30/2020/KDTM-ST

Ngày 18 tháng 11 năm 2020

V/v tranh chấp “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thanh Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

2. Ông **Phạm Xoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu: bà **Trần Thị Quỳnh Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 68/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2020 về “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐST - KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2020/QĐST - KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 09/2020/TB-TA ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty X – TNHH Một thành viên.**

Địa chỉ trụ sở: Số 122 đường H, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Thái Sơn, chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Hoài Nam – sinh năm: 1973 – Địa chỉ: 353 Nguyễn Tri Phương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: **Công ty Cổ phần Kỹ thuật B.**

Địa chỉ trụ sở: tòa nhà Z, phố D, phường D, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần V – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

* Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 04/5/2018, Công ty X – TNHH MTV (sau đây viết tắt là Công ty X) và Công ty Cổ phần B (Công ty B) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 0405/HĐMB-2018. Nội dung Hợp đồng là Công ty X bán cho Công ty B mặt hàng dầu diesel 0,05%S và Mazut N⁰2B (FO 3,5s) với số lượng thực tế theo nhu cầu của Công ty B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên bán đã thực hiện đúng như cam kết theo hợp đồng: về thời gian giao hàng, chất lượng và số lượng hàng hóa, địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Công ty B. Công ty X đã xuất đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty B và Công ty B cũng thanh toán sau khi nhận hóa đơn GTGT. Tuy nhiên, tính đến ngày 31/12/2018, tổng số tiền mua bán xăng dầu Công ty B còn nợ Công ty X là 247.175.100đồng, Công ty B có xác nhận số tiền còn nợ tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/9/2019, Công ty X yêu cầu Công ty B thanh toán trước ngày 30/9/2019 nhưng đến nay Công ty B vẫn không thanh toán số tiền nợ còn lại cho Công ty X mặc dù Công ty chúng tôi đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu thanh toán.

Nay Công ty X yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền nợ còn lại từ mua bán hàng hóa là 247.175.100đồng (Hai trăm bốn bảy triệu một trăm bảy lăm ngàn một trăm đồng). Đối với yêu cầu tính lãi, tại đơn khởi kiện, Công ty X yêu cầu tính lãi từ ngày 31/10/2018 đến ngày khởi kiện là ngày 31/10/2019, lãi suất 8%/năm là: 16.252.609đ, tại phiên tòa hôm nay, Công ty X thay đổi thời gian tính lãi và mức lãi suất, cụ thể như sau: lãi tính từ ngày 31/12/2018 đến ngày xét xử là ngày 17/11/2020, lãi suất 6%/năm là: 27.873.225đ (Hai bảy triệu tám trăm bảy ba ngàn hai trăm hai lăm đồng). Tổng số tiền Công ty B phải thanh toán cho Công ty X là 275.048.325đ (Hai trăm bảy lăm triệu không trăm bốn tám ngàn ba trăm hai lăm đồng).

*Tại văn bản số 0107/CV ngày 13/7/2020 “V/v Cam kết thanh toán công nợ quá hạn” của Công ty Cổ phần Kỹ thuật B trình bày:

Chúng tôi xác nhận còn nợ Công ty X là: 247.175.100đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi bảy triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn một trăm đồng), do các nhà thầu chính tại dự án Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi còn nợ khối lượng của chúng tôi và đang giải quyết pháp lý của dự án dẫn đến việc chậm thanh toán nợ cho Quý đơn vị. Bằng công văn này Công ty Cổ phần kỹ thuật B cam kết sẽ thanh toán dứt điểm số nợ trên cho Công ty X-TNHH MTV khi chủ đầu tư dự án, nhà thầu chính của cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi thanh toán tiền khối lượng cho chúng tôi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với Công ty Cổ phần Kỹ thuật B đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Kỹ thuật B đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại khoản 9.2 Điều 9 của Hợp đồng mua bán xăng dầu, số: 0405/HĐMB-2018 ngày 04/5/2018 giữa Công ty X – TNHH MTV và Công ty Cổ phần kỹ thuật B thỏa thuận: “Các bên không tự thỏa thuận được, thống nhất chọn Tòa án quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để giải quyết”. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng Công ty Cổ phần kỹ thuật B vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần kỹ thuật B.

[3] Về nội dung vụ án: Giữa Công ty X – TNHH MTV (bên bán) và Công ty Cổ phần kỹ thuật B (bên mua) có ký Hợp đồng mua bán xăng dầu, số: 0405/HĐMB-2018 ngày 04/5/2018. Nội dung “bên mua đăng ký mua và bên bán cung cấp nhiên liệu với các chủng loại: Diesel 0,05S-II và Mazut N⁰2B (FO 3,5S)”. Về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, quyền và nghĩa vụ các bên được hai bên thống nhất theo hợp đồng.

Tại phiên tòa Công ty X – TNHH MTV yêu cầu Công ty Cổ phần kỹ thuật B thanh toán tổng cộng số tiền là 275.048.325 đồng, trong đó nợ mua bán hàng hóa là 247.175.100 đồng và nợ lãi là 27.873.225 đồng với mức lãi suất là 6%/năm, lãi tính từ ngày 31/12/2018 đến ngày 17/11/2020 và có Bảng kê chi tiết lãi chậm thanh toán kèm theo.

Xét yêu cầu của Công ty X – TNHH MTV đối với tiền nợ gốc thì thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 09/9/2019 hai bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận số nợ là 247.175.100 đồng, số nợ này chưa bao gồm lãi quá hạn phát sinh, Công ty X – TNHH MTV đã có văn bản yêu cầu Công ty Cổ phần kỹ thuật B thanh toán tiền gốc và tiền lãi nhưng Công ty Cổ phần kỹ thuật B vẫn không thanh toán.

Tại Công văn số 0107/CV ngày 13/7/2020 của Công ty Cổ phần kỹ thuật B xác nhận còn nợ Công ty X – TNHH MTV là: 247.175.100 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ buộc Công ty Cổ phần kỹ thuật B phải thanh toán cho Công ty X – TNHH MTV số tiền nợ mua bán hàng hóa là 247.175.100 đồng là phù hợp với Điều 50 của Luật thương mại.

Xét yêu cầu của Công ty X – TNHH MTV đối với tiền lãi thì thấy: tại đơn khởi kiện, Công ty X yêu cầu tính lãi từ ngày 31/10/2018 đến ngày khởi kiện là ngày 31/10/2019, lãi suất 8%/năm là: 16.252.609đ, tại phiên tòa hôm nay, Công ty X thay đổi thời gian tính lãi và mức lãi suất, cụ thể như sau: lãi tính từ ngày 31/12/2018 đến

ngày xét xử là ngày 18/11/2020, lãi suất 6,0%/năm là: 27.873.225đ (Hai bảy triệu tám trăm bảy ba ngàn hai trăm hai lăm đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: tại khoản 5.1 Điều 5 Hợp đồng có qui định về thời hạn thanh toán như sau: "...Trường hợp công nợ trong tháng vượt định mức theo ngày nợ hai bên thỏa thuận nêu trên, bên mua trả cho bên bán tiền lãi vay công nợ chậm trả theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và phát triển thành phố Đà Nẵng thông báo..." Mức lãi suất Công ty X – TNHH MTV yêu cầu là 6,0%/năm, mức lãi suất này theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định, vì vậy yêu cầu tính lãi suất của Công ty X – TNHH MTV là tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với Điều 306 của Luật thương mại nên cần chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền Công ty Cổ phần kỹ thuật B phải thanh toán cho Công ty X – TNHH MTV là 275.048.325đ (Hai trăm bảy lăm triệu không trăm bốn tám ngàn ba trăm hai lăm đồng).

[4] Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm Công ty Cổ phần kỹ thuật B phải chịu theo qui định của pháp luật là:

$$275.048.325đ \times 5\% = 13.752.416 \text{ đồng.}$$

Công ty X – TNHH MTV không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm cho Công ty X – TNHH MTV đã nộp là: 6.585.692đồng theo biên lai thu số 8645 ngày 28/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 50 vụ ị Ồu 306 Luật thương mại.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán" của Công ty X – TNHH MTV đối với Công ty Cổ phần Kỹ thuật B.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần Kỹ thuật B phải thanh toán cho Công ty X – TNHH MTV 275.048.325đồng (Hai trăm bảy lăm triệu không trăm bốn tám ngàn ba trăm hai lăm đồng) (trong đó nợ mua bán hàng hóa là 247.175.100 đồng và nợ lãi là 27.873.225đồng).

2. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm Công ty Cổ phần Kỹ thuật B phải chịu là: 13.752.416 đồng.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất

được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm cho Công ty X – TNHH MTV đã nộp là: 6.585.692 đồng theo biên lai thu số 8645 ngày 28/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- CCTHADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Anh